

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 của UBND Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (TRƯỚC SẮP XẾP) <i>(Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ)</i>	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (TRƯỚC SẮP XẾP) <i>(Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025)</i>	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ <i>(Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030)</i>	THUYẾT MINH
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
	1. Nghị quyết này quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về	1. Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp)	1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030. 2. Các nội dung quy định về	- Giữ nguyên theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>). - Điều chỉnh để phù hợp với việc sáp nhập địa giới hành

	<p><i>chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Cụ thể, quy định mức hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.</i></p>	<p>trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025.</p> <p>2. Các nội dung quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp không quy định tại Quy định này thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.</p>	<p>chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.</p>	<p>chính giữa tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>) và tỉnh Gia Lai (<i>trước sắp xếp</i>) thành tỉnh Gia Lai (<i>mới</i>).</p>
2		Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
	<p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác;</p> <p>b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>d) Doanh nghiệp;</p> <p>đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.</p>	<p>1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).</p> <p>2. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).</p> <p>3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).</p> <p>4. Doanh nghiệp.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.</p>	<p>1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).</p> <p>2. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).</p> <p>3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).</p> <p>4. Doanh nghiệp.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.</p>	<p>- Giữ nguyên theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021.</p> <p>- Cơ sở: Đối tượng áp dụng được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2, Chương I (Quy định chung) Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.</p>

3			<p>Điều 3. Dự án liên kết, kế hoạch liên kết</p>	
			<p>1. Dự án liên kết là dự án do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã và các bên tham gia hợp đồng liên kết cùng thỏa thuận, xây dựng và triển khai đầu tư liên kết theo các hình thức quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.</p> <p>2. Các bên tham gia liên kết lập dự án liên kết để làm căn cứ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này. Trường hợp không đề xuất hỗ trợ theo các chính sách nêu trên, chỉ cần lập kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.</p>	<p>- Bổ sung mới; vận dụng theo Điều 3 của quy định kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định.</p> <p>- Cơ sở: Quy định tại khoản 1, 2, Điều 6, Chương II Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.</p>
4			<p>Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ</p>	
			<p>1. Trong trường hợp cùng thời điểm, một nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ (bao gồm chính sách Trung ương, của tỉnh và các chương trình, dự án khác) thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.</p> <p>2. Ngân sách thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với các nội dung</p>	<p>- Bổ sung mới nội dung. Vận dụng theo Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định.</p> <p>- Cơ sở: theo Điều 10, Chương III Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.</p>

			<p>hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này. Đối với các nội dung còn lại thực hiện hỗ trợ sau khi chủ trì liên kết cung cấp hồ sơ, chứng từ đúng theo quy định.</p> <p>3. Các quy định khác thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.</p>	
5			<p>Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ</p>	
			<p>1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc thực hiện liên kết.</p> <p>2. Chủ trì liên kết và các đối tượng tham gia liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại cây trồng, vật nuôi theo quy định chuyên ngành.</p>	<p>- Bổ sung mới nội dung.</p> <p>- Cơ sở đề xuất:</p> <p>+ Nội dung khoản 1, 2, 3 theo quy định điểm a, b, c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>+ Nội dung khoản 4, 5, 6 theo quy định tại Điều 11, Chương III Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.</p>

			<p>4. Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.</p> <p>5. Liên kết đảm bảo ổn định</p> <p>a) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm.</p> <p>b) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.</p> <p>6. Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>	
6		Điều 3. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết	Điều 6. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết	
		<p>1. Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.</p>	<p>Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.</p>	<p>1. Nội dung: Theo khoản 1 Điều 7 Chương III Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.</p> <p>2. Mức hỗ trợ: Vận dụng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh</p>

		2. Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.		Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>). 3. Bỏ nội dung khoản 2 và chuyển xuống Điều 12 của dự thảo Nghị quyết.
7		Điều 4. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết	Điều 7. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết	
		1. Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng. 2. Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã.	Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.	1. Nội dung: Theo khoản 1 Điều 8 Chương III Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. 2. Mức hỗ trợ: Đề xuất vận dụng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>). 3. Bỏ nội dung khoản 2 và chuyển xuống Điều 12 của dự thảo Nghị quyết.
8	Điều 2. Mức hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:	Điều 5. Hỗ trợ mô hình khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	Điều 8. Hỗ trợ mô hình khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	Nội dung: Theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 9 Chương III Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.
8.1	1. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông, đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất,	1. Xây dựng mô hình khuyến nông: a) Mức hỗ trợ:	1. Xây dựng mô hình khuyến nông: a) Mô hình trình diễn ở địa bàn	1. Mức hỗ trợ: Vận dụng điểm a, b khoản 1, Mục III Phụ lục kèm theo Nghị

<p>năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 4 Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/2020NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; - Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du, miền núi, bãi ngang được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; - Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; - Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn); - Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn); - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực 	<p>có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ 100% giống, thiết bị, vật tư theo quy trình kỹ thuật để xây dựng mô hình.</p> <p>b) Mô hình trình diễn ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Mức hỗ trợ tối thiểu 70% giống, thiết bị, vật tư theo quy trình kỹ thuật để xây dựng mô hình.</p> <p>c) Mô hình trình diễn ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường: Mức hỗ trợ tối thiểu 50% giống, thiết bị, vật tư theo quy trình kỹ thuật để xây dựng mô hình.</p> <p>d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao: Hỗ trợ $\leq 40\%$ tổng kinh phí thực hiện trên tất cả các địa bàn.</p> <p>đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: Hỗ trợ $\leq 100\% \leq 100$ triệu đồng/mô hình.</p> <p>e) Chi phí chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, cơ sở thực phẩm an toàn: Hỗ trợ 100%.</p>	<p>quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>2. Bỏ nội dung điểm “b) Nguồn kinh phí thực hiện từ các chương trình, kế hoạch khuyến nông hàng năm của của tỉnh” và chuyển xuống Điều 12 của dự thảo Nghị quyết.</p>
---	--	---	--

		<p>phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).</p> <p>b) Nguồn kinh phí thực hiện từ các chương trình, kế hoạch khuyến nông hàng năm của của tỉnh.</p>		
8.2		<p>2. Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường</p> <p>a) Đào tạo nghề</p> <p>- Mức hỗ trợ: Thực hiện định mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn theo các quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p> <p>b) Tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:</p> <p>- Mức hỗ trợ: Thực hiện định mức, chế độ chi tiêu tài chính</p>	<p>2. Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường</p> <p>a) Đào tạo nghề: Thực hiện định mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn theo các quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>b) Tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Thực hiện định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành theo quy định của Bộ Tài chính và của tỉnh.</p>	<p>1. Mức hỗ trợ:</p> <p>Vận dụng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>).</p> <p>2. Bỏ các nội dung nguồn kinh phí thực hiện và chuyển xuống Điều 12 của dự thảo Nghị quyết.</p>

		<p>hiện hành theo quy định của Bộ Tài chính và của tỉnh.</p> <p>- Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p>		
8.3	<p>2. Hỗ trợ giống và vật tư tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/dự án (kế hoạch) liên kết;</p> <p>3. Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/dự án (kế hoạch) liên kết;</p>	<p>3. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã:</p> <p>a) Mức hỗ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm. - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo. - Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang. - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng. <p>b) Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>3. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã:</p> <p>a) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm (bao gồm: vật liệu bao bì, thiết kế, in ấn bao bì, nhãn mác). Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết.</p> <p>b) Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi): Tối đa 80% chi phí ở địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, xã đảo; tối đa 70% chi phí ở địa bàn khó khăn; tối đa 60% chi phí ở địa bàn đồng bằng theo định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tổng mức hỗ trợ không quá 02 tỷ đồng/dự án, kế</p>	<p>1. Mức hỗ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mức hỗ trợ tại điểm a: Vận dụng tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất điểm a, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>) và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai (<i>trước sắp xếp</i>). - Đối với nội dung mức hỗ trợ tại điểm b: Vận dụng tại điểm a, khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (<i>Đã được Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban thường vụ tỉnh ủy tại Tờ trình số 605/TTr-ĐU ngày 13/3/2026 và thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết tại</i>

			<p>hoạch liên kết.</p>	<p><i>kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031).</i></p> <p>Tổng mức hỗ trợ vận dụng theo khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai (<i>trước sắp xếp</i>).</p> <p>Tuy nhiên, căn cứ vào thực tế triển khai thực hiện các dự án/kế hoạch liên kết trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt hỗ trợ, thì tổng kinh phí hỗ trợ của nhà nước cho nội dung mua giống, vật tư thiết yếu trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản khoảng trên 2,5 tỷ đồng (phụ thuộc vào từng quy mô và số hộ nông dân tham gia liên kết); đối với các dự án/kế hoạch liên kết trong lĩnh vực trồng trọt thì tổng chi phí hỗ trợ của nhà nước khoảng từ 1,8 tỷ đến 2,8 tỷ đồng (tùy theo quy mô và số lượng nông dân tham gia liên kết).</p> <p>Do đó, áp dụng mức hỗ trợ không qua 01 tỷ (<i>Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND</i>) cho nội dung này là rất thấp so với nhu cầu trong quá trình thực hiện và sẽ hạn chế về quy mô để thực hiện liên kết nên đề xuất nâng</p>
--	--	--	------------------------	---

				<p>mức hỗ trợ lên “tối đa không quá 02 tỷ đồng”.</p> <p>2. Bỏ nội dung điểm b nguồn kinh phí thực hiện và chuyển xuống Điều 12 của dự thảo Nghị quyết.</p>
8.4	<p>4. Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/dự án (kế hoạch) liên kết</p>	<p>4. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi</p> <p>a) Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.</p> <p>b) Nguồn kinh phí thực hiện từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>4. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết.</p>	<p>1. Mức hỗ trợ: Vận dụng theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>) và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai (<i>trước sắp xếp</i>).</p> <p>2. Bỏ nội dung điểm b nguồn kinh phí thực hiện và chuyển xuống Điều 12 của dự thảo Nghị quyết.</p>
9		<p>Điều 6. Phương thức cấp phát kinh phí hỗ trợ</p>		
		<p>1. Đối với các hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Căn cứ quyết định phê duyệt hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh và hồ sơ, chứng từ do đơn vị làm chủ trì liên kết cung cấp, Sở Tài chính lập thủ tục chuyển tiền cho đơn vị làm</p>		<p>Bãi bỏ nội dung này. Sau khi Nghị quyết được ban hành việc thực hiện phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành và Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với các Sở có liên quan hướng dẫn</p>

		<p>chủ trì liên kết.</p> <p>2. Đối với các hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt: Căn cứ quyết định phê duyệt hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và hồ sơ, chứng từ do đơn vị làm chủ trì liên kết cung cấp, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện lập thủ tục chuyển tiền cho đơn vị làm chủ trì liên kết.</p>		<p>triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
10			<p>Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <p>1. Nguồn ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh, cấp xã; nguồn kinh phí từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án có liên quan; kinh phí khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.</p> <p>2. Nguồn kinh phí của nông dân, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia dự án hoặc kế hoạch liên kết theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung mới nội dung này, trên cơ sở chuyển các nội dung quy định nguồn kinh phí thực hiện các hạng mục hỗ trợ tại Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Định (<i>trước sắp xếp</i>).</p> <p>Đồng thời, qua thực tế triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025, còn bất cập, khó khăn về nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn thực hiện chính sách chủ yếu từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cho nên một số dự án liên kết do Hợp tác xã nông nghiệp đứng ra làm chủ trì liên kết và các hộ nông dân</p>

				<p>sản xuất tham gia liên kết ở các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thì không được hỗ trợ do đó gây khó khăn trong việc khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia xây dựng dự án liên kết.</p> <p>Vì vậy, đơn vị soạn thảo đề xuất bổ sung nội dung “<i>Nguồn ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh, cấp xã</i>”, nguồn kinh phí từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án có liên quan; kinh phí khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trên cơ sở đề xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.</p>
12	Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.		Điều 10. Tổ chức thực hiện	
			<ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực 	<p>Bổ sung mới nội dung để UBND tỉnh và HĐND tỉnh có cơ sở chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được phê duyệt.</p>

			hiện Nghị quyết này.	
13		Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp	Điều 11. Hiệu lực thi hành	
		<p>1. Các bên tham gia liên kết đang được hưởng các chính sách theo Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc hưởng các chính sách theo quy định tại Quy định này cho đến khi hết hợp đồng liên kết đã ký nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Quy định này. Trường hợp đã trình cơ quan có thẩm quyền để được hưởng chính sách trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Quy định này.</p> <p>2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa</p>	<p>1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng...năm 2026.</p> <p>2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025.</p> <p>b) Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>c) Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	<p>Kế thừa nội dung và bổ sung để thực hiện bãi bỏ các Nghị quyết trước đây sau khi dự thảo Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Đồng thời, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm hỗ trợ, bảo đảm quyền lợi cho các hộ dân trên địa bàn Gia Lai Tây tham gia liên kết đã được phê duyệt dự án liên kết (<i>trong đó, có quy định thời gian hỗ trợ của nhà nước giai đoạn 2025-2027</i>).</p>

		<p>đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.</p>	<p>Gia Lai (trước sắp xếp) Quy định chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Các bên tham gia liên kết đang được hưởng các chính sách theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt hoặc hưởng các chính sách theo Nghị quyết này cho đến kết thúc thời gian hỗ trợ của Nhà nước được ghi trong Quyết định phê duyệt nếu đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp đã trình cơ quan có thẩm quyền để được hưởng chính sách trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này.</p> <p>4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy</p>	
--	--	---	---	--

			phạm pháp luật mới.	
--	--	--	---------------------	--